

ĐỀ-XI-MÉT

1 Viết.

dm	dm
dm	
5 dm	
16 dm	

2 Viết vào chỗ chấm.



a) **Dài hơn, ngắn hơn hay bằng?**

- Ngón trỏ **1 dm**.
- Bàn tay **1 dm**.
- Gang tay **1 dm**.
- Sải tay **10 dm**.
- Bước chân **5 dm**.

b) **cm hay dm?**

- Ngón trỏ dài khoảng: **5**
- Gang tay dài khoảng: **15**
- Bàn tay dài khoảng: **1**

- Sải tay dài khoảng: **12**
- Bước chân dài khoảng: **4**

c) **Đo** rồi **viết số** vào chỗ chấm.

- Ngón trỏ dài khoảng cm.
- Bàn tay dài khoảng cm.
- Bước chân dài khoảng cm.
- Gang tay dài khoảng cm.
- Sải tay dài khoảng dm.

3 Đúng ghi **đ**, sai ghi **s**.

$1 \text{ dm} = 10 \text{ cm}$ ☐

$8 \text{ dm} < 82 \text{ cm}$ ☐

$3 \text{ dm} > 30 \text{ cm}$ ☐

$10 \text{ cm} > 1 \text{ dm}$ ☐

$50 \text{ cm} = 5 \text{ dm}$ ☐

$47 \text{ cm} < 7 \text{ dm}$ ☐

4 Tính:

$8 \text{ cm} + 2 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

$10 \text{ dm} + 7 \text{ dm} = \dots\dots\dots$

$29 \text{ cm} - 17 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

$33 \text{ dm} - 21 \text{ dm} = \dots\dots\dots$

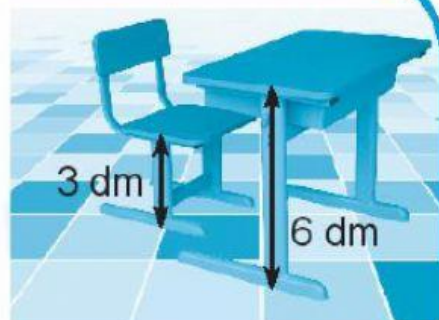
$33 \text{ cm} - 10 \text{ cm} + 25 \text{ cm} = \dots\dots\dots$

$44 \text{ dm} + 55 \text{ dm} - 68 \text{ dm} = \dots\dots\dots$

5

Bộ bàn ghế học sinh có kích thước đo được như hình bên. Hỏi mặt bàn cao hơn mặt ghế mấy đề-xi-mét?

--	--	--	--	--



Trả lời: Mặt bàn cao hơn mặt ghế